

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT -
NHA KHOA BẢO ANH THUỘC HỘ KINH DOANH
NGUYỄN TUẤN ĐẠT
(Kèm theo Quyết định số 669 /QĐ-SYT ngày 28/5/2025 của Sở Y tế)

STT	STT (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
2.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
3.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
4.	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
5.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
6.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
7.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
8.	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
9.	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
10.	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
11.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
12.	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
13.	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
14.	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
15.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
16.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)

				kết hợp Composite
17.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
18.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
19.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
20.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
21.	14386	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
22.	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
23.	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
24.	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
25.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sòng bằng máng thuốc
26.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
27.	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
28.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
29.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
30.	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
31.	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
32.	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
33.	14423	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
34.	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
35.	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
36.	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
37.	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
38.	14430	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ
39.	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
40.	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon

41.	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
42.	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
43.	14435	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
44.	14436	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại
45.	14437	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
46.	14438	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý
47.	14439	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
48.	14440	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
49.	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
50.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
51.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
52.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
53.	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
54.	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
55.	14447	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
56.	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
57.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
58.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
59.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
60.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
61.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
62.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
63.	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
64.	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
65.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
66.	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant

67.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
68.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
69.	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
70.	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
71.	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
72.	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
73.	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
74.	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
75.	14547	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
76.	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
77.	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
78.	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
79.	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
80.	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
81.				
82.	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
83.	14647	16.335	16. RĂNG HÀM MẶT	Nắn sai khớp thái dương hàm
84.	14652	16.340	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp
85.	14661	BS_16.349	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng 1 thì
86.	14511	16.198	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
87.	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
88.	14513	16.200	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
89.	14514	16.201	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân

90.	14515	16.202	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
91.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
92.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
93.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
94.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
95.	14523	16.210	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
96.	14524	16.211	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt cuống răng
97.	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
98.	14527	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
99.	14528	16.215	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi di động để làm hàm giả
100.	14529	16.216	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
101.	14530	16.217	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh môi
102.	14531	16.218	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt phanh má
103.	14532	16.219	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy chuyển răng
104.	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
105.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
106.	14610	16.298	16. RĂNG HÀM MẶT	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
107.	14612	16.300	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
108.	14613	16.301	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
109.	14350	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Nạo túi lợi
110.	14352	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại

Tổng: 110 danh mục.

